

Bản án số: 1323/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung
2. Bà Lê Thị Nhanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 792/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1961, quốc tịch: Việt Nam.
Địa chỉ: TX 77479, USA.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1956, quốc tịch: Việt Nam.
Địa chỉ: 26 đường L, phường B, quận M, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/4/2017 và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thanh H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trọng B kết hôn vào năm 1980, giấy chứng nhận kết hôn số 27-P2, ngày 16/10/1980, do Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông B xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, ông B có quan hệ với nhiều phụ nữ khác, chửi bới và đánh đập bà. Năm 2005 bà có làm đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận M nhưng ông B năn nỉ bà

nên bà rút đơn để vợ chồng hàn gắn lại, nhưng ông B không thay đổi vẫn quan hệ với phụ nữ khác. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có hai người con chung là Nguyễn Hoàng Hải A, sinh năm 1979; và Nguyễn Hoàng Hải D, sinh năm 1986, cả hai đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì bà sẽ yêu cầu giải quyết vụ kiện khác.

Về nợ chung: Bà khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Trọng B trình bày:

Ông và bà H chung sống và kết hôn đúng như bà H trình bày. Cuộc sống hôn nhân diễn ra bình thường đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, đầu năm 2014 bà H sang Mỹ định cư, còn ông vẫn ở Việt Nam cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mỗi người sống một nơi, không thể đoàn tụ nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung, và tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận đúng như bà H trình bày.

Tại phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thanh H yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa. Bà yêu cầu ủy quyền lại cho ông Nguyễn Xây T, sinh năm 1986, địa chỉ: 88 đường M, phường D, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thay mặt bà nhận văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 10 tháng 04 năm 2017 bà Hoàng Thị Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho đương sự được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B. Do bà H đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh H có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa được lập vào ngày 10/04/2017 và hợp pháp hóa lãnh sự vào ngày 10/04/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận. Ông Nguyễn Trọng B có đơn yêu cầu vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về hôn nhân: Giữa bà Hoàng Thị Thanh H và ông Nguyễn Trọng B có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ bản tự khai của bà H và ông B hai bên thống nhất thoả thuận tình ly hôn có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa ông B và bà H đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về nuôi dưỡng con chung: Hai bên đương sự xác nhận có hai người con chung là Nguyễn Hoàng Hải A, sinh năm: 1979 và Nguyễn Hoàng Hải D, sinh năm: 1986 đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự yêu cầu tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Hai bên đương sự khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm bà H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thanh H như sau:

1/ Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thanh H và ông Nguyễn Trọng B thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Thanh H và ông Nguyễn Trọng B chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 27, ngày 16 tháng 10 năm 1980, do Ủy ban nhân dân Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp không còn giá trị.

2/ Về nuôi dưỡng con chung: Hai người con chung là Nguyễn Hoàng Hải A, sinh năm 1979, và Nguyễn Hoàng Hải D, sinh năm 1986, cả hai đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Hai bên đương sự yêu cầu tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

4/ Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng Thị Thanh H phải nộp là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0034333, ngày 01/06/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6/ Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Đối với ông Nguyễn Trọng B vắng mặt tại phiên tòa nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày ông B nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Hoàng Thị Thanh H vắng mặt ủy quyền cho ông Nguyễn Xây T nhận thay bà, quyền kháng cáo bản án đối với bà H là 01 tháng kể từ ngày ông Thành nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường H, quận P;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh